

BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ
HỘI
Số: 1-TBXH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 4 tháng 1 năm 1986

THÔNG TƯ

CỦA BỘ THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI SỐ 1-TBXH NGÀY 4-1-1986
HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP KHÓ KHĂN
ĐỐI VỚI NGƯỜI HƯỞNG CHÍNH SÁCH THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Ngày 8-10-1985 Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ban hành Chỉ thị số 331-CT về chế độ trợ cấp thường xuyên cho những công nhân, viên chức và những người hưởng lương trong các lực lượng vũ trang (kể cả những người về hưu và nghỉ do mất sức lao động) có đông người ăn theo mà đời sống thực sự gặp khó khăn.

Căn cứ vào điểm 5 của chỉ thị, Bộ Thương binh và xã hội sau khi đã thoả thuận với Bộ Tài chính và Bộ Lao động, hướng dẫn thực hiện đối với các đối tượng do ngành Thương binh và xã hội quản lý như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC XÉT TRỢ CẤP

Những người sau đây có đông người phải nuôi dưỡng mà đời sống thật sự khó khăn thì được xét trợ cấp thường xuyên.

Người về hưu (kể cả người hưởng hưu trí theo thông tư số 11-NV ngày 20-9-1966, và cán bộ hoạt động cách mạng trước tháng 8-1945 thuộc diện thi hành Quyết định số 128-HĐBT ngày 8-10-1984 của Hội đồng Bộ trưởng, mà lâu nay công tác ở xã, phường), thương binh và người hưởng chính sách như thương binh (gọi chung là thương binh) bao gồm thương binh hạng 1,2 (kể cả loại A và B), bệnh binh hạng 1,2 và những người về nghỉ việc vì mất sức lao động do ốm đau, già yếu, tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp đang hưởng trợ cấp hàng tháng.

II. ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC XÉT TRỢ CẤP KHÓ KHĂN THƯỜNG XUYỀN

1. Những người mà các đối tượng nói ở mục I, phải nuôi dưỡng bao gồm:

a) Bố mẹ (kể cả bố mẹ vợ hoặc bố mẹ chồng, bố mẹ nuôi, bố dượng, mẹ kế) và vợ hoặc chồng, đã hết tuổi lao động (nam từ 60 tuổi, nữ từ 55 tuổi trở lên), hoặc bị tàn tật mất sức lao động, anh chị em ruột bị tàn tật mất sức lao động và không nơi nương tựa mà không được hưởng khoản trợ cấp nào của Nhà nước.

b) Con (kể cả con đẻ, con nuôi, con ngoài giá thú) chưa đến tuổi lao động hoặc đang đi học phổ thông, đang học đại học, trung học chuyên nghiệp, các trường dạy nghề v.v.... không có học bổng, hoặc đã đến tuổi lao động nhưng bị tàn tật mất sức lao động.

2. Gia đình sống chủ yếu bằng lương hưu hoặc trợ cấp của Nhà nước, không có nguồn thu nhập nào khác hoặc có thu nhập nhưng không đáng kể, đời sống hàng ngày (ăn mặc, học hành, chữa bệnh, v.v...) thực sự gặp nhiều khó khăn thì được xét trợ cấp thường xuyên.

III. MỨC TRỢ CẤP KHÓ KHĂN THƯỜNG XUYỀN

a) Thương binh hạng 1 (kể cả loại A và loại B), bệnh binh hạng 1, có người phải nuôi dưỡng thì được cấp từ người thứ nhất trở đi.

b) Cả vợ và chồng đều là thương binh hạng 2 (kể cả loại A và B), bệnh binh hạng 2; hoặc trong cặp vợ chồng thì:

- Một là thương binh hạng 2, một là bệnh binh hạng 2;

- Một là thương binh hạng 2, một là mất sức lao động từ 61% trở lên.

Người mất sức lao động từ 81% trở lên (kể cả mất sức lao động vì tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp), có người phải nuôi dưỡng thì được cấp từ người thứ hai trở đi.

Nếu là thương binh hạng 2, bệnh binh hạng 2, người về hưu, người đang hưởng trợ cấp mất sức và trong diện không hồi phục sức lao động, hay diện hưởng dài hạn mà goá vợ, goá chồng, hoặc cá biệt nếu cả hai vợ chồng đều là người về hưu mà còn có người phải nuôi dưỡng, thì cũng được cấp từ người thứ hai trở đi.

c) Các trường hợp khác nếu có người phải nuôi dưỡng thì được cấp từ người thứ ba trở đi.

Số suất trợ cấp tùy theo hoàn cảnh cụ thể của từng gia đình để quyết định.

Mức trợ cấp cho một suất được ấn định theo từng vùng thống nhất theo quy định tại Thông tư liên Bộ Lao động - Tài chính - Tổng công đoàn số 21-TT/LĐ ngày 16-11-1985, cụ thể là: